

Bản án số: 08/2025/DS-ST  
Ngày: 11-7-2025  
V/v: “Tranh chấp kiện đòi tài sản  
và hợp đồng thuê tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phan Triều Tiên

Bà Phan Thị Ngọc Cẩm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 350/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản và hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thái Ngọc H (tên gọi khác T) sinh năm 1970. Có mặt  
Địa chỉ: ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.  
Nay là ấp Minh Phong, xã Bình An, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh C (tên gọi khác Q) sinh năm 1981. Có mặt  
Địa chỉ: Ấp Năm Hải, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.  
Nay là Ấp Năm Hải, xã Long Thạnh, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hộ kinh doanh V

- *Người đại diện hợp pháp của hộ kinh doanh:* Ông Danh Thành T1 - sinh năm: 1980; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Nay là Ấp B, xã C, tỉnh Kiên Giang.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) một thành viên Tài chính T4. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: P Tầng A, S, số F, đường L, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm: 1973. Có mặt

Địa chỉ: ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Nay là ấp Minh Phong, xã Bình An, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Thái Ngọc H trình bày:

Vào ngày 24/5/2023, ông H có thỏa thuận bằng lời nói cho ông C thuê 01 xe ô tô biển kiểm soát 68A-24109, giá thuê 700.000 đồng/ngày từ ngày 24/5/2023 đến tháng 10/2023 thì ông C đã trả tiền thuê đầy đủ, sau đó hai bên tiếp tục thỏa thuận thuê theo tháng giá thuê là 13.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 11/2023 thì ông C không trả tiền thuê cho ông H nữa.

Ngày 07/10/2023, ông C có đem xe ô tô biển kiểm soát 68A-24109 của ông H đi cầm tại tiệm C1 (do Danh Thanh T2 làm chủ, tọa lạc tại huyện C, tỉnh Kiên Giang). Sự việc ông C cầm xe thì có thông báo cho ông biết, ông cũng thừa nhận sự việc khi ông C gọi điện cho ông trao đổi việc cầm xe thì ông có trả lời cầm được thì cầm và tiệm cầm đồ có ghi âm lại nên khi ông yêu cầu cơ quan Công an giải quyết thì cơ quan Công an hướng dẫn ông kiện vụ án dân sự.

Nguồn gốc của xe ô tô biển kiểm soát 68A-24109 do ông Thái Ngọc H đứng tên là do vợ chồng ông vay vốn tại Công ty TNHH một thành viên T4 trụ sở ở thành phố Hồ Chí Minh. Ông và vợ là bà Nguyễn Thị Đ cùng đứng tên vay, vay gốc hơn 400.000.000 đồng, trả trong thời hạn 05 năm, hình thức góp gốc và lãi hàng tháng. Tính đến hiện nay thì ông bà còn nợ Công ty TNHH một thành viên T4 số tiền 240.500.000 đồng. Ông đã thế chấp xe và bản chính giấy tờ xe cho Công ty.

Từ tháng 11/2023 đến nay thì ông C có trả tiền thuê cho ông H được 02 lần, tổng cộng là 60.000.000 đồng xem như ông C đã thanh toán đủ tiền thuê xe đến tháng 02/2024.

Ông H yêu cầu ông C phải trả số tiền thuê xe còn lại tính từ tháng 03/2024 đến tháng 02/2025, mỗi tháng 13.000.000 đồng là 169.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông H và bà Đ chỉ yêu cầu ông C trả tổng cộng số tiền là 148.000.000 đồng.

Đồng thời, ông H yêu cầu ông C và Tiệm cầm đồ Vạn lý phải liên đới chịu trách nhiệm liên đới giao trả lại cho ông 01 xe ô tô biển kiểm soát 68A-24109, việc ông C lấy tài sản ông đem cầm cố lấy tiền sử dụng, ông không liên quan. Ông C

phải có nghĩa vụ trả tiền cho T3 cầm đồ Vạn lý để trả tài sản cho ông.

Bị đơn - ông Nguyễn Thanh C trình bày:

Ông C thừa nhận có thỏa thuận thuê xe ô tô 04 chỗ hiệu Vios của ông Thái Ngọc H. Quá trình thuê xe và trả tiền thuê đúng như lời trình bày của ông H. Ban đầu, khi thỏa thuận trả tiền thuê theo ngày ông đã trả cho ông C đầy đủ. Từ lúc thỏa thuận thuê xe theo tháng, mỗi tháng 13.000.000 đồng/tháng, ông còn nợ lại tiền thuê xe của ông H. Sau khi ông H khởi kiện, tháng 04/2024 ông C có trả cho ông H 30.000.000 đồng, sau đó trả thêm 30.000.000 đồng. Tổng cộng ông đã trả được cho ông H 60.000.000 đồng.

Ngày 07/10/2023, ông có trực tiếp hỏi ông H cho ông cầm xe ô tô tại Tiệm cầm đồ Vạn lý để lấy vốn làm ăn thì ông H cũng thống nhất nên ông đem xe đi cầm, khi đi cầm thì chủ tiệm cũng có gọi cho ông H và ông H cũng thống nhất nên mới nhận cầm xe, chủ tiệm biết việc xe của ông C mua xe trả góp. Ông C đã cầm xe lấy số tiền 100.000.000 đồng, sau đó lấy thêm 20.000.000 đồng (lần lấy thêm tiền ông đều thông báo và ông H đồng ý). Tổng cộng số tiền ông cầm xe là 120.000.000 đồng, mỗi tháng lãi suất 6.000.000 đồng, ông C đã đóng lãi được 02 tháng. Sau đó ông làm ăn thất bại, không có khả năng thanh toán.

Tại phiên tòa, ông H chỉ yêu cầu ông trả tiền thuê xe từ tháng 03/2024 đến tháng 02/2025 tổng cộng là 148.000.000 đồng thì ông C hoàn toàn thống nhất thừa nhận nợ nhưng do điều kiện khó khăn nên xin trả dần và ông sẽ cố gắng thanh toán tiền nợ cầm đồ cho T3 cầm đồ Vạn lý để lấy xe trả lại cho ông H.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Danh Thành T1 trình bày:

Ông T1 xác định là Cửa hàng ông có nhận cầm xe của ông C, ông đã trực tiếp quản lý xe ô tô biển kiểm soát 68A-24109 từ tháng 10/2023 cho đến nay. Trước khi nhận cầm xe thì ông T1 đã gọi báo cho ông H biết và ông H vẫn đồng ý cho ông nhận cầm xe của ông C, hiện cuộc gọi ông có ghi âm và còn lưu giữ. Ông C đã nhận tổng cộng số tiền gốc 139.000.000 đồng và đóng lãi cho ông 01 lần là 6.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, lãi suất cầm cố là 5%/tháng, nếu đóng lãi 01 tháng thì ông cho chuộc lại tài sản. Nhưng nay đã hơn 01 năm ông C không chuộc nên ông được quyền sử dụng tài sản. Khi nhận cầm xe thì chỉ có giấy tờ xe photo công chứng, còn giấy tờ xe bản chính do ông H giữ hay thế chấp thì ông không rõ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông T1 có ý kiến như sau: Nếu ông H hoặc ông C bỏ ra số tiền gốc là 139.000.000 đồng và tiền lãi cộng chung gốc và lãi khoảng 200.000.000 đồng cho ông 01 lần thì ông sẽ đồng ý cho chuộc xe lại, nếu không trả đủ thì ông T1 không đồng ý trả xe hoặc ông H muốn bán xe cho ông thì thỏa thuận thêm.

Tại văn bản ngày 06/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH một thành viên T4:

Ngày 11/10/2022, Công ty TNHH một thành viên T4 và ông Thái Ngọc H - bà Nguyễn Thị Đ có ký hợp đồng tín dụng số 1000781598, số tiền cho vay là 390.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, dư nợ tính đến ngày 06/11/2024 là 240.500.000 đồng. Mục đích cho vay là để mua xe ô tô biển kiểm soát 68A-241.09. Ông H và bà Đ đã thế chấp xe ô tô trên của Công ty và giao dịch thế chấp được đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật. Nay công ty TNHH một thành viên T4 không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Công ty TNHH một thành viên T4 sẽ thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật. Đồng thời, Công ty TNHH một thành viên T4 xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Đ:

Bà Đ hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của ông H, trường hợp hoàn cảnh ông C khó khăn thì bà yêu cầu ông C cố gắng thanh toán tiền cầm đồ trước để trả xe lại cho ông H, số tiền thuê xe thì có thể cho ông C trả dần và yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự đều chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng xét thấy hợp đồng cho thuê tài sản là xe ô tô 68A- 24109 giữa ông H và ông C bằng lời nói nhưng đã được các bên tự nguyện thỏa thuận và thực hiện, hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Ông C đã thanh toán cho ông H được số tiền là 60.000.000 đồng và hiện ông C còn nợ lại ông H số tiền thuê xe các bên đã thống nhất tại phiên tòa là 148.000.000 đồng, ông C thừa nhận còn nợ số tiền trên và yêu cầu trả dần. Do đó, căn cứ Điều 481 của Bộ luật Dân sự cần buộc ông C phải thanh toán cho ông H số tiền thuê xe còn lại là 148.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng cầm cố xe, xét thấy xe ô tô biển kiểm soát 68A- 24109 do ông Thái Ngọc H đứng tên trong giấy đăng ký và hiện tài sản đã được đăng ký thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ, ông C không phải là chủ sở hữu hợp pháp, có bản chính giấy đăng ký nhưng mang tài sản đi cầm cố mà T3 cầm đồ Vạ lý vẫn nhận cầm cố tài sản là không đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ

án, ông T1 thừa nhận sự việc nhận cầm xe của ông C, ông đã trực tiếp quản lý xe ô tô biển kiểm soát 68A-24109 từ tháng 10/2023 cho đến nay. Xét thấy việc ông T1 nhận cầm xe của ông H là không đúng nên yêu cầu của ông H về việc yêu cầu Tiệm cầm đồ Vạn lý và ông C phải chịu trách nhiệm liên đới giao trả xe ô tô biển kiểm soát 68A-24109 cho ông H là có căn cứ.

Đối với số tiền cầm cố mà ông C nhận của T3 cầm đồ Vạn lý, Tòa án đã thông báo nhưng Tiệm cầm đồ Vạn lý không có yêu cầu độc lập nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 166, Điều 288, Điều 472, Điều 481 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông C phải trả cho ông H số tiền thuê xe từ ngày 03/2024 đến tháng 02/2025 tổng cộng là: 148.000.000 đồng; đề nghị buộc T3 cầm đồ Vạn lý người đại diện là ông Danh Thành T1 và ông C phải chịu trách nhiệm liên đới giao trả 01 xe mô tô kiểm soát 68A-24109 cho ông H.

Đề nghị buộc ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Thái Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh C phải trả tiền thuê xe và kiện đòi tài sản nên đây là tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và kiện đòi tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - hộ kinh doanh V và Công ty TNHH một thành viên T4 đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng, có văn bản trình bày ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng thuê tài sản:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự cùng thống nhất sự việc: Ngày 24/5/2023 thì ông H có thỏa thuận bằng lời nói cho ông C thuê 01 xe ô tô biển

kiểm soát 68A-24109, giá thuê 700.000 đồng/ngày từ ngày 24/5/2023 đến tháng 10/2023 thì ông C đã trả tiền thuê đầy đủ, sau đó hai bên tiếp tục thỏa thuận thuê theo tháng giá thuê là 13.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 11/2023 thì ông C không trả tiền thuê cho ông H. Sau đó ông C có trả cho ông H 02 lần được số tiền 60.000.000 đồng, xem như thanh toán tiền thuê đến tháng 02/2024. Từ tháng 03/2024 đến nay thì ông C chưa trả tiền thuê. Ông H yêu cầu ông C phải trả số tiền thuê xe còn lại tính từ tháng 03/2024 đến tháng 02/2025 là 13 tháng mỗi tháng là 13.000.000 đồng nhưng chỉ yêu cầu trả tổng cộng là 148.000.000 đồng.

Sự việc nêu trên đều được các đương sự thống nhất thừa nhận nên đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã tự nguyện giao kết hợp đồng thuê xe, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Xét thấy ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê xe và tại phiên tòa ông C vẫn thừa nhận và đồng ý trả tiền thuê cho ông H số tiền thuê xe còn lại tổng cộng là 148.000.000 đồng nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc ông C phải trả tiền thuê xe còn lại cho ông H từ tháng 03/2024 đến tháng 02/2025 tổng cộng là 148.000.000 đồng.

#### [2.2] Xét yêu cầu đòi lại tài sản:

Quá trình thuê xe của ông H, ngày 07/10/2023, ông C có đem xe ô tô kiểm soát 68A-24109 do ông H đứng tên đem cầm tại Hộ kinh doanh (Tiệm cầm đồ) Vạn Lý do Danh Thanh T2 làm chủ để cầm cố lấy tiền gốc là 100.000.000 đồng, sau đó tiếp tục lấy thêm 20.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy xe ô tô biển kiểm soát 68A-24109 là thuộc quyền sở hữu của ông Thái Ngọc H và hiện ông H đang thế chấp để đảm bảo việc vay vốn tại Công ty TNHH một thành viên T4, hiện chưa thanh toán hết nợ.

Việc H1 kinh doanh Vạn L, người đại diện là ông T2 đồng ý nhận cầm cố tài sản mà không thuộc quyền sử dụng của người cầm đồ là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ theo quy định tại Điều 309 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (bên nhận cầm cố tài sản) để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ. Tại thời điểm giao dịch, ông T2 biết rõ xe ô tô biển kiểm soát 68A-24109 không phải là của ông C mà là thuộc quyền sở hữu của ông Thái Ngọc H thể hiện rõ qua sự việc có gọi điện cho ông H và ông C cũng xác định biên nhận cầm đồ cũng thể hiện giao dịch giữa Tiệm cầm đồ Vạn lý và ông Nguyễn Thanh C.

Ngoài ra, ông H và bà Đ đang thế chấp xe ô tô trên của Công ty TNHH một thành viên T4 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay và giao dịch thế chấp được đăng ký

biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật nên giao dịch cầm cố giữa ông C và T3 cầm đồ Vạn lý là giao dịch trái pháp luật, việc H1 kinh doanh Vạn L tiếp tục quản lý xe ô tô biển kiểm soát 68A-24109 là không có căn cứ nên ông H yêu cầu H1 kinh doanh Vạn lý và ông C phải giao trả lại xe ô tô là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 166, Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc H1 kinh doanh (Tiệm cầm đồ) Vạn lý, người đại diện là ông Danh Thành T1 và ông Nguyễn Thanh C phải liên đới chịu trách nhiệm giao trả cho ông H 01 xe mô tô kiểm soát 68A-24109.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án ông Danh Thành T1 và ông Nguyễn Thanh C có trình bày nội dung giao dịch cầm cố, ông C vẫn thừa nhận sự việc giao dịch cầm cố với T3 cầm đồ Vạn lý. Tòa án đã thông báo cho H1 kinh doanh (Tiệm cầm đồ) Vạn lý về việc làm đơn yêu cầu độc lập nhưng Tiệm cầm đồ Vạn lý không thực hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp Hộ kinh doanh Vạn lý và ông Nguyễn Thanh C có tranh chấp thì có quyền yêu cầu khởi kiện thành vụ án khác.

Công ty TNHH một thành viên T4 không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2, khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của ông Thái Ngọc H được chấp nhận toàn bộ nên hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.952.000 đồng theo biên lai 0009186 ngày 07/02/2025 và 2.575.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0008866 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Nguyễn Thanh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là:  $148.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.400.000 \text{ đồng}$ .

Ông Nguyễn Thanh C và T3 cầm đồ Vạn L (do ông Danh Thành T1 làm người đại diện) phải liên đới nộp án phí dân sự không giá ngạch là 300.000 đồng.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 166, Điều 288, Điều 472, khoản 1 Điều 481, Điều 482 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thái Ngọc H đối với ông Nguyễn Thanh C về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và kiện đòi tài sản.

Buộc ông Nguyễn Thanh C phải thanh toán cho ông Thái Ngọc H số tiền thuê xe còn lại từ tháng 03/2024 đến tháng 02/2025, tổng cộng là 148.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh C và H1 kinh doanh Vạn lý (do ông Danh Thành T1 làm người đại diện) phải liên đới giao trả cho ông Thái Ngọc H 01 xe ô tô kiểm soát 68A-241.09 do ông Thái Ngọc H đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

3. Về án phí:

Hoàn trả cho ông Thái Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.952.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm, năm mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai 0009186 ngày 07/02/2025 và 2.575.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0008866 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Nguyễn Thanh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là:  $148.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.400.000 \text{ đồng}$  (*Bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Thanh C và T3 cầm đồ Vạn L (do ông Danh Thành T1 làm người đại diện) phải liên đới nộp án phí dân sự không giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho ông H, ông C và bà Đ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 11/7/2025. Tiệm cầm đồ Vạn L (do ông Danh Thành T1 làm người đại diện) và Công ty TNHH một thành viên T4 được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều

9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 5-AG;
- Phòng thi hành án KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thúy An**